

ĐỀ 1 - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU. (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁNH ĐIỀU TUỔI THƠ

“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh điều. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả điều thi. Cánh điều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo điều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm. Ban đêm, trên bãi thả điều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác điều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: “Bay đi điều ơi! Bay đi!”. Cánh điều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh điều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Câu 1: Cho biết đoạn ngữ liệu trên thuộc thể loại văn bản nào ?

- A. Tùy bút
- B. Hồi kí
- C. Truyện
- D. Tản văn

Câu 2: Nối cột A tương ứng với cột B về đặc điểm thể loại của văn bản

A	B
1. Tùy bút	A. Các tác phẩm tự sự nói chung có nhân vật, cốt truyện và lời kể.
2. Tản văn	B. Là ghi chép lại bằng trí nhớ những sự việc đã xảy ra đối với bản thân trong quá khứ đã để lại ấn tượng mạnh.
3. Truyện	C. Là thể loại thuộc loại hình kí, trong đó tác giả ghi chép lại các sự việc được quan sát và suy ngẫm về cảnh vật, con người xung quanh.
4. Hồi kí	D. Bộc lộ trực tiếp suy nghĩ, cảm xúc của người viết qua các hiện tượng, đời sống thường nhật.

Câu 3: Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

- A. Dòng sông
- B. Cánh điều
- C. Cánh đồng
- D. Cánh cò

Câu 4: Trong câu “*Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ*” có cụm từ “*một thảm nhung khổng lồ*” thuộc cụm từ nào sau đây?

- A. Cụm danh từ
- B. Cụm động từ
- C. Cụm tính từ
- D. Không phải là cụm từ loại

Câu 5: Trong các câu sau, câu nào có chứa trạng ngữ?

- A. Cánh diều mềm mại như cánh bướm
- B. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng.
- C. Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi.
- D. Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

Câu 6: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống:

Thông qua “*Cánh diều tuổi thơ*”, tác giả Tạ Duy Anh muốn nói đến sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.

- A. Khát vọng
- B. Nghị lực
- C. Niềm vui
- D. Sức mạnh

Câu 7: Câu “*Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh...*” cho thấy tâm hồn đứa trẻ như thế nào?

- A. Trẻ em sẽ có tâm hồn yếu đuối.
- B. Trẻ em hay dễ ảo tưởng.
- C. Trẻ em thấy bản thân luôn nhỏ bé.
- D. Trẻ em có tâm hồn mộng mơ.

Câu 8: Nhan đề văn bản nêu lên nội dung gì?

- A. Nêu vấn đề cần phải giữ gìn trò chơi dân gian
- B. Nêu lên ý nghĩa của cánh diều đối với tuổi thơ
- C. Nêu hình ảnh xuyên suốt văn bản
- D. Nêu lên ước mơ của con người lúc tuổi thơ.

Câu 9: Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị? Hãy trình bày cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ em?

Câu 10: Em có đồng ý với ý kiến sau không: “*Cánh diều có thể khơi dậy niềm vui sướng và ước mơ của tuổi thơ*”? Hãy nêu vai trò của ước mơ trong đời sống con người.

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Em hãy viết bài văn cảm nghĩ về mái trường của em.

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 1 - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	1C,2D,3A,4B	0,5
	3	B	0,5
	4	A	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	D	0,5
	8	D	0,5
	9	- HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ em ở những ý khác nhau. - GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm. Gợi ý: - Giới thiệu được trò chơi. - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy.	1,0
	10	- HS có thể trả lời đồng tình hoặc không đồng tình, nhưng phải lí giải hợp lí. <i>(GV linh hoạt trong quá trình chấm điểm)</i> - Vai trò của ước mơ: (HS trình bày ngắn gọn theo ý). + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình. + Là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán. + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng .	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. <i>Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> có Mở bài giới thiệu về ngôi trường và tình cảm dành cho trường mình, thân bài triển khai được tình cảm của em về vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp..., kết bài khái quát cảm nghĩ của em dành cho mái trường.	0,25
		b. <i>Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> cảm nghĩ cá nhân đối với mái trường của em.	0,25
		c. <i>Triển khai các ý cho bài văn biểu cảm.</i>	

	HS triển khai các ý theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt cách bộc lộ cảm xúc thông qua vẻ đẹp của ngôi trường, tình cảm gắn bó của em với thầy cô, bạn bè, trường lớp... Sau đây là một số gợi ý:	
	- Bộc lộ cảm xúc chung với mái trường của em. - Cảm nghĩ của em qua vài nét ấn tượng về vẻ đẹp của ngôi trường: Hàng phượng vĩ xanh tốt; Những dãy phòng học... - Cảm nghĩ về những kỉ niệm sâu sắc với ngôi trường. • Ngày đầu tiên tới trường (bỡ ngỡ, rụt rè...) • Kỉ niệm với bạn bè: (chia nhau cái bánh, cái kẹo, giúp đỡ nhau học tập, gắn bó như anh em...) • Kỉ niệm với thầy cô: dạy dỗ em nên người, hình thành nhân cách, quan tâm tới học sinh, truyền đạt những kiến thức bổ ích... - Khẳng định tình cảm, cảm xúc của em dành cho mái trường.	2.5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 2 - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - MÔN: NGỮ VĂN 7

Thời gian làm bài: 90 phút

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản sau:

THỜI GIAN LÀ VÀNG

Ngạn ngữ có câu: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được. Thế mới biết vàng có giá mà thời gian là vô giá.

Thật vậy, thời gian là sự sống. Bạn vào bệnh viện mà xem, người bệnh nặng, nếu kịp thời chạy chữa thì sống, để chậm là chết.

Thời gian là thắng lợi. Bạn hỏi các anh bộ đội mà xem, trong chiến đấu, biết nắm thời cơ, đánh địch đúng lúc là thắng lợi, để mất thời cơ là thất bại.

Thời gian là tiền. Trong kinh doanh, sản xuất hàng hóa đúng lúc là lãi, không đúng lúc là lỗ.

Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.

Thế mới biết, nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho bản thân và cho xã hội. Bỏ phí thời gian thì có hại và về sau hối tiếc cũng không kịp.

(Phương Liên - Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì?

- A. Thuyết minh
- B. Nghị luận
- C. Tự sự
- D. Biểu cảm

Câu 2: Theo em văn bản trên thời gian có mấy giá trị?

- A. 2 giá trị
- B. 3 giá trị
- C. 4 giá trị
- D. 5 giá trị

Câu 3: Theo tác giả nếu biết tận dụng thời gian thì làm được bao nhiêu điều cho ai?

- A. Cho bản thân
- B. Cho xã hội
- C. Cho bản thân và xã hội
- D. Cho bản thân và gia đình

Câu 4: Câu “Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi.” trong đoạn văn: “Thời gian là tri thức. Phải thường xuyên học tập thì mới giỏi. Học ngoại ngữ mà bữa đực, bữa cái, thiếu kiên trì, thì học mấy cũng không giỏi được.” là câu mang luận điểm?

A. Đúng

B. Sai

Câu 5: Câu “Thời gian là sự sống” sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Nhân hóa.

B. So sánh

C. Ẩn dụ

D. Hoán dụ

Câu 6: Văn bản trên bàn về vấn đề gì?

A. Bàn về giá trị của sự sống.

B. Bàn về giá trị của sức khỏe.

C. Bàn về giá trị của thời gian.

D. Bàn về giá trị của tri thức.

Câu 7: Nội dung của phép điệp ngữ “Thời gian” trong văn bản trên?

A. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian đối với con người.

B. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người.

C. Nhấn mạnh giá trị quý báu của thời gian

D. Nói lên giá trị quý báu của thời gian đối với con người và sự vật.

Câu 8: Từ “tri thức” được sử dụng trong văn bản trên được hiểu như thế nào?

A. Tri thức bao gồm những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

B. Tri thức bao gồm những thông tin, sự hiểu biết, hay kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

C. Tri thức là những kỹ năng có được nhờ trải nghiệm, thông qua học hỏi từ sách vở hoặc trong cuộc sống.

D. Tri thức là những kiến thức, thông tin, sự hiểu biết có được nhờ trải nghiệm, thông qua giáo dục hay tự học hỏi.

Câu 9: Theo em, tại sao tác giả cho rằng: Thời gian là vàng. Nhưng vàng thì mua được mà thời gian không mua được?

Câu 10: Bài học em rút ra được từ văn bản trên?

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Phát biểu cảm nghĩ về người người thân (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...).

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 2 - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
c	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	C	0,5
	4	B	0,5
	5	B	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	Học sinh có thể lí giải: - Thời gian là vàng vì thời gian quý như vàng - Vàng mua được: vàng là thứ vật chất hữu hình, dù có đẹp, có giá trị đến đâu vẫn có thể trao đổi, mua bán được. - Thời gian không mua được: thời gian là thứ vô hình không thể nắm bắt, đã đi là không trở lại.	1,0
	10	Học sinh biết rút ra được bài học cho bản thân (quý trọng thời gian, sử dụng thời gian hợp lí...).	1,0
II		VIẾT	4,0
-		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn biểu cảm:</i> Mở bài giới thiệu đối tượng, thân bài biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng, kết bài khẳng định lại tình cảm về đối tượng.	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Biểu cảm về người thân	0,25
		<i>c. Triển khai vấn đề</i> HS biểu cảm bằng nhiều cách nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau:	2,5
		- Giới thiệu đối tượng, - Biểu lộ được cảm xúc suy nghĩ về đối tượng: + Ngoại hình. + Tính cách. + Một số kỉ niệm mà em nhớ + Vai trò của người thân. - Khẳng định tình cảm của bản thân với đối tượng	
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn biểu cảm sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ 3 - KIỂM TRA HỌC KÌ I - Môn Ngữ Văn 7

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC- HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

Chiều sông Thương

Đi suốt cả ngày thu
Vẫn chưa về tới ngõ
Dùng dằng hoa quan họ
Nở tím bên sông Thương

Nước vẫn nước đôi dòng
Chiều vẫn chiều lưới hái
Những gì sông muốn nói
Cánh buồm đang hát lên

Đám mây trên Việt Yên
Rủ bóng về Bồ Hạ
Lúa cúi mình giấu quả
Ruộng bời con gió xanh

Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang

Cho sắc mặt mùa màng
Đất quê mình thịnh vượng
Những gì ta gửi gắm
Sắp vàng hoe bốn bên

Hạt phù sa rất quen
Sao mà như cổ tích
Mấy cô coi máy nước
Mắt dài như dao cau

Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phơi phai

Nắng thu đang trải đầy
Đã trắng non mùi bưởi
Bên cầu con ghé đợi
Cả chiều thu sang sông.

(Hữu Thỉnh - trong *Từ chiến hào đến thành phố*, NXB văn học, Hà Nội, 1991)

Câu 1. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào? (Nhận biết)

A. Thơ bốn chữ

B. Thơ năm chữ

C. Thơ sáu chữ

D. Thơ bảy chữ

Câu 2. Xác định biện pháp tu từ có trong khổ thơ sau: (Nhận biết)

“Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sếnh sang”

- A. So sánh
- B. **Nhân hóa**
- C. Ẩn dụ
- D. Hoán dụ

Câu 3. Cảnh vật trong bài thơ được miêu tả qua những màu sắc nào? (Nhận biết)

- A. **Tím, xanh, vàng, nâu**
- C. Xanh, tím, đen, trắng
- B. Đỏ, xanh, vàng, nâu
- D. Trắng, vàng, nâu, tím

Câu 4. Bài thơ nói về mùa nào trong năm? (Nhận biết)

- A. Xuân
- B. Thu**
- C. Hạ
- D. Đông

Câu 5. Cảm xúc của nhà thơ được bộc lộ như thế nào qua khổ thơ sau: (Thông hiểu)

“Ôi con sông màu nâu
Ôi con sông màu biếc
Dâng cho mùa sắp gặt
Bồi cho mùa phơi phai”

- A. **Bồi hồi, xao xuyến**
- B. Đau đớn, xót xa
- C. Nhớ nhung, tiếc nuối
- D. Vui mừng, phấn khởi

Câu 6. Giọng điệu chính của bài thơ trên được thể hiện như thế nào? (Thông hiểu)

- A. Sôi nổi, hào hứng
- B. Nhẹ nhàng, trong sáng
- C. Trang trọng, thành kính
- D. Thiết tha, xúc động**

Câu 7. Em hiểu từ “dùng dằng” trong hai câu thơ sau có nghĩa là gì? (Thông hiểu)

“Dùng dằng hoa quan họ
Nở tím bên sông Thương”

- A. Ung dung, thoải mái
- B. Rụt rè, ngập ngừng
- C. Chậm chạp, thông thả
- D. Lưỡng lự, không quyết đoán**

Câu 8. Trong khổ thơ sau có bao nhiêu phó từ?(Nhận biết)

“Nước màu đang chảy ngoan
Giữa lòng nương máng nổi
Mạ đã thò lá mới
Trên lớp bùn sến sang”

- A. 1
- C. 3
- B. 2
- D. 4

Câu 9. Nêu cảm xúc của em sau khi đọc xong bài thơ trên (viết không quá 5 dòng).
(Vận dụng)

Câu 10. Kể ra 2 hành động cụ thể của em để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước. (Vận dụng)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ 3 - KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	HS có thể trình bày được những suy nghĩ, nhận thức riêng, song cần xoáy quanh các ý trọng tâm sau: - Bức tranh đẹp về quê hương - Cảm xúc yêu quý, tự hào, hãnh diện của nhà thơ về con sông quê hương mình. - Cảm xúc của HS: yêu quê hương đất nước mình,...	0,5 0,5
	10	HS nêu hành động cụ thể để thể hiện tình yêu đối với quê hương đất nước. Có thể diễn đạt bằng nhiều cách: - Chăm chỉ học tập và lao động, phấn đấu thành con ngoan trò giỏi. - Kế thừa và tiếp nối những truyền thống quý báu của dân tộc khi trở thành chủ nhân của đất nước. -...	0,5 0,5
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai nội dung bài văn tự sự</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	2,5
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.	

	- Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo.	0,5